

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đường phía Tây huyện Phù Cát (tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát) của UBND huyện Phù Cát

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 4449/STNMT-CCBVM ngày 11/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường phía Tây huyện Phù Cát (tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát) của UBND huyện Phù Cát;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường phía Tây huyện Phù Cát (tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 2767/UBND-BQL ngày 21/12/2023 của UBND huyện Phù Cát;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1548/TTr-STNMT ngày 25/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường phía Tây huyện Phù Cát (tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát) (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Phù Cát (sau đây gọi là Chủ đầu tư) thực hiện tại huyện Phù Cát và thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND các xã Cát Hanh, Cát Hiệp, Cát Tân, Nhơn Mỹ, thị trấn Ngô Mây;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

llk

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐƯỜNG PHÍA TÂY HUYỆN PHÙ CÁT (TUYẾN TỪ KHU CÔNG
NGHIỆP HÒA HỘI ĐẾN KHU VỰC SÂN BAY PHÙ CÁT)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đường phía Tây huyện Phù Cát (tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát).
- Địa điểm thực hiện: huyện Phù Cát và thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Phù Cát.
- Địa chỉ liên hệ: 141 Quang Trung, thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Phạm vi: Tổng chiều dài tuyến đường 9,792 km; tổng diện tích sử dụng đất 178.773,53 m². Trong đó, tuyến đi qua địa phận huyện Phù Cát khoảng 8,902 km và thị xã An Nhơn khoảng 0,890 km.

+ Điểm đầu giao với đường ĐT.634 (Km1+830), đoạn Khu Công nghiệp Hòa Hội, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát.

+ Điểm cuối giáp với Quốc lộ 19B tại Km43+800, ngã tư rẽ vào Cụm Công nghiệp Tân Đức, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn cách công sân bay Phù Cát khoảng 5,0 km về phía Tây.

- Quy mô: Đầu tư xây dựng tuyến đường dài 9,792 km, cụ thể:

+ Bề rộng nền đường B = 12,0 m.

+ Bề rộng mặt đường: B_{mặt} = 11,0 m.

+ Bề rộng lề đường: B_{lề đất} = 0,5 m x 2 = 1,0 m.

+ Kết cấu: bê tông nhựa.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: hạng mục giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, công trình an toàn giao thông.

- Phần đường: Xây dựng tuyến đường kết nối từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát với tổng chiều dài tuyến đường 9,792 km, bề rộng nền đường 12,0 m, kết cấu đường bê tông nhựa.

- Phần cầu: Xây dựng 05 cầu, cụ thể: Cầu vượt kênh Văn Phong tại Km0+962,04; Cầu Hội Vân 1 tại Km1+099,93; Cầu Hội Vân 2 tại Km2+372,50; Cầu Hội Vân 3 tại Km2+902; Cầu Suối Đục tại Km6+090,24.

- Xây dựng nút giao chính:

+ Nút giao đầu tuyến tại Km0+00 (giao với ĐT.634 tại Km1+830).

+ Nút giao cuối tuyến tại Km9+791,89 (giao QL.19B tại Km43+772,91).

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Hệ thống thoát nước ngang, hệ thống thoát nước dọc, hệ thống chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông, nút giao cắt với đường dân sinh hiện hữu.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công dự án: 05 công trường với tổng diện tích khoảng 7.708 m², bố trí 02 trạm trộn bê tông xi măng công suất 60 m³/h tại vị trí cầu Hội Vân 2 và cầu suối Đục; bố trí 05 bãi lưu chứa tạm, mỗi bãi khoảng 500 m².

1.3.4. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Bố trí 05 nhà vệ sinh di động, bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại có dán nhãn cảnh báo.

1.3.5. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng.

- Hoạt động bóc đất phong hóa và phá dỡ các công trình hiện trạng.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án.

- Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 8,52 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 178.773,53 m² đất. Trong đó, diện tích đất trồng lúa khoảng 85.200 m², ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước khu vực phía Tây dự án.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường xung quanh dự án phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải.

- Hoạt động vận hành, bảo trì, duy tu, sửa chữa nhỏ trên tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 3,6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 2 m³/ngày/công trường. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu san lấp, thi công; vận hành máy móc, phương tiện thi công trên công trường,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 87,12 tấn. Thành phần chủ yếu là thân cây, lá, gốc cây,...

- Chất thải rắn từ hoạt động bóc phong hóa phát sinh khoảng 28.162 m³.

- Đất thừa đổ thải từ hoạt động đào, đắp, thi công dự án phát sinh với khối lượng khoảng 93.546,92 m³. Thành phần chủ yếu là đất.

- Chất thải rắn từ hoạt động tháo dỡ công trình hiện hữu phát sinh với khối lượng khoảng 100 m³. Thành phần chủ yếu là xà bần.

- Bentonite phát sinh từ hoạt động khoan cọc nhồi khoảng 460 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng 68,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu,... của máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển phát sinh khoảng 250 kg trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác:

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa sang mục đích khác tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 05 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại của công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải từ trạm trộn: được thu gom về hố lắng tại mỗi công trường. Nước sau khi lắng cạn được tái sử dụng để đập bụi và làm ẩm công trường hoặc rửa cốt liệu. Cặn lắng sẽ được xử lý như đối với chất thải rắn thi công.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất: tạo rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để tránh gây ngập úng cục bộ.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa tạm được bố trí rãnh thu gom xung quanh.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư với tần suất 02 lần/ngày.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, vệ sinh trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải xây dựng: sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Hàng ngày, bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên tuyến đường (nếu có) và tại khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường.

- Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia

giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế.

- Trồng, chăm sóc các dải cây xanh trên tuyến đường dự án.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

- Đất bóc phong hóa được tận dụng đắp tại vị trí xây dựng mái taluy để trồng cỏ.

- Đất thừa từ dự án sẽ được vận chuyển lưu chứa tại các bãi chứa tạm, sau đó vận chuyển đổ thải tại 05 bãi thải, cụ thể:

- + Bãi thải 1: Khu vực Núi Một, thôn Chánh An, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát (tọa độ: 1.554.453; 583.807), diện tích đổ thải 1,5 ha, chiều cao đổ thải 3,5 m, lượng thải 43.000 m³.

- + Bãi thải 2: khu vực mỏ cát Công ty TNHH Thuận Phát, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát (tọa độ: 1.550.670; 583.134), diện tích đổ thải 2,17 ha, chiều cao đổ thải 1,5 m, lượng thải 24.000 m³.

- + Bãi thải 3: khu nghĩa trang nhân dân thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát (tọa độ: 1.548.710; 583.877), diện tích đổ thải 0,9 ha, chiều cao đổ thải 1,5 m, lượng thải 10.000 m³.

- + Bãi thải 4: Khu vực Hồ Hóc Ôi, xã Cát Tân, huyện Phù Cát (tọa độ: 1.545.763; 583.235), diện tích đổ thải 0,8 ha, chiều cao đổ thải 1,5 m, lượng thải 9.547 m³.

- + Bãi thải 5: Khu nghĩa địa An Nhơn, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn (tọa độ: 1.544.123; 583.349), diện tích đổ thải 0,77 ha, chiều cao đổ thải 1,2 m, lượng thải 7.000 m³.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 58 và Điều 66 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/ 01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

- Tại mỗi công trường thi công, bố trí các thùng lưu chứa chất thải nguy hại, có nắp đậy, dán nhãn nhận biết; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 05 m²/công trường. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 68, Điều 69, Điều 71 của Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công

- Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.
- Sử dụng các thiết bị thi công đã được đăng kiểm đảm bảo.
- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kì thường xuyên.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h00 đến 6h00 sáng hôm sau.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.3.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành

- Bảo dưỡng thường xuyên chất lượng mặt đường, trồng các dải cây xanh.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất trồng lúa, rừng sản xuất

Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.
- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc

phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ đầu tư

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc: 03 vị trí.

+ 01 vị trí tại khu dân cư hiện trạng phía Đông tuyến đường dự án, thuộc xã Cát Tân, huyện Phù Cát, tọa độ: 583.629; 1.545.256.

+ 01 vị trí tại điểm đầu dự án, giao tuyến đường ĐT.634, thuộc xã Cát Hanh, huyện Phù Cát, tọa độ: 584.692; 1.552.795.

+ 01 vị trí tại điểm cuối dự án, giao tuyến đường Quốc lộ 19B, thuộc xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn, tọa độ: 583.812; 1.543.333.

- Thông số quan trắc: bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát nước mặt

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

+ 01 vị trí tại điểm xây dựng cầu vượt kênh Văn Phong tại Km0+962,04.

+ 01 vị trí tại điểm xây dựng cầu suối Đục tại Km6+090,24.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Nitrat, Phosphat, tổng dầu mỡ, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chi tiêu so sánh: QCVN 08-MT:2023/BTNMT, Bảng 2, cột B.

5.3. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.